

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 34

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Súp thịt bò, khoai tây, su hào, nấm đông cô tươi, trứng gà, bột năng, hành lá, ngô rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá bông lau kho tộ, nước dừa tươi, hành lá
- Canh khoai môn nấu tôm khô, húng quế, hành lá
Xế: Đu đủ chín
Xế chiều: Cơm chiên thập cẩm (thịt gà, đậu cove, đậu hà lan hạt, bắp mỹ, cà rốt, hành lá, ngô rí)
NT nhóm 2: Cháo thịt gà, bắp mỹ, đậu hà lan tươi

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	350	3,140	10,990
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,400	8,800
5	0004	Gạo tẻ máy	2,000	2,560	51,200
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	6,300	3,150
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	0649	Bột năng	300	4,675	14,025
9	0037	Khoai tây	200	3,890	7,780
10	0178	Su hào	100	4,410	4,410
11	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	100	23,100	23,100
12	0451	Trứng gà công nghiệp	180	7,333.3	13,200
13	0286	Thịt bò loại II	600	36,750	220,500
14	0537	Nước dừa non tươi	500	3,890	19,450
15	N0881	Cá hủ	2,000	18,170	363,400
16	0426	Tôm khô	100	78,100	78,100
17	0158	Rau húng	50	11,870	5,935
18	0033	Khoai môn	800	6,410	51,280
19	0229	Đu đủ chín	1,500	4,200	63,000
20	0740	Gạo tằm	500	2,470	12,350
21	0007	Ngô bắp tươi	200	4,200	8,400
22	0055	Đậu Hà lan (hạt)	50	65,520	32,760
23	0052	Đậu cô ve (hạt)	100	5,990	5,990

24	0089	Cà rốt	200	5,780	11,560
25	N0772	Thịt ức gà	600	12,920	77,520
26	N0850	Mỡ heo sống	200	10,300	20,600
27	0457	Sữa bột toàn phần	667.56	20,500	136,850
Tổng cộng					1,258,000

Tổng tiền thực phẩm	1,258,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,258,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	11,581,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	11,581,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan